

# QUAN ĐIỂM CỦA CÁC NHÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC VỀ XẾP HẠNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ - TIẾP CẬN TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẮT THÀNH

Trần Ái Cẩm

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành  
Email: [tranaicam75@gmail.com](mailto:tranaicam75@gmail.com)

## Article history

Received: 21/3/2024

Accepted: 10/4/2024

Published: 20/5/2024

## Keywords

University rankings,  
educational management,  
opinions, educational quality,  
Nguyen Tat Thanh  
University

## ABSTRACT

Managers' perspectives regarding the quality of higher education are shaped with multidimensional approaches utilizing quality assessment methods including accreditation, rankings, and ratings. Particularly, numerous higher education institutions in Vietnam are intrigued by the international ranking figures. Given that there are more than 50 university rankings both globally and regionally, the one emerging question is which ranking system is dependable and appropriate for the purposes of data collection, evaluation, improvement, and enhancement of education quality. The research employs analysis and synthesis methods derived from a publicly available database of international rankings. The findings reveal that university rankings have emerged as an essential component of the higher education landscape and that both educational managers and higher education institutions are demonstrating a growing interest in international rankings, such as those designed by THE Impact, QS Asia, and Webometrics. These rankings are utilized by a significant number of higher education institutions in Vietnam. Additionally, the study puts forth a viable roadmap for ranking participation of educational establishments and, in particular, an approach from Nguyen Tat Thanh University.

## 1. Mở đầu

Chất lượng giáo dục đại học đã và đang là mối quan tâm hàng đầu không chỉ của những nhà quản lý giáo dục mà còn là của nhiều bên liên quan như người học, phụ huynh, thị trường lao động, cộng đồng - xã hội. Trong nhiều năm qua, công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục được xem như là một cách tiếp cận phù hợp và có giá trị để từ đó làm cơ sở, căn cứ giải trình với xã hội về chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục (CSGD) nói chung và chất lượng các chương trình đào tạo do CSGD đó phụ trách nói riêng (Đặng Ứng Vận và Tạ Thị Thu Hiền, 2019).

Không chỉ riêng đối với lĩnh vực giáo dục, trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các quốc gia phải mở rộng thị trường, hợp tác quốc tế, mở rộng quan hệ, hình thành thị trường khu vực và quốc tế để đưa đất nước phát triển bền vững (Phạm Văn Quyết, 2019). Điều này đòi hỏi sự quan tâm và vai trò rất lớn của các nhà quản lý giáo dục từ định hướng tầm nhìn, sứ mệnh cũng như là thiết lập các nguồn lực để tham gia xếp hạng đại học quốc tế; các CSGD đại học cần lựa chọn bảng xếp hạng phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và thực trạng hiện có để các kết quả hoạt động được đánh giá theo những trọng số cao nhất, tránh bị thua thiệt, không có lợi khi tiến hành xếp hạng đại học quốc tế (Đỗ Thị Hoài Vân và Lê Huy Tùng, 2022).

Kể từ lần đầu tiên xuất hiện ấn phẩm xếp hạng đại học thế giới của Quacquarelli Symonds (QS) (QS Topuniversities, 2004), việc xếp hạng CSGD trên bảng xếp hạng quốc tế đã trở thành điều không thể đi ngược lại xu hướng chung khi mà quy mô và tính linh động trong học tập và trải nghiệm trong việc dạy - học ngày càng phát triển, đặc biệt trong thế giới đầy biến động, không chắc chắn, phức tạp và mơ hồ (VUCA) hiện nay. Trên thế giới hiện nay đang có rất nhiều hệ thống xếp hạng như The Times Higher Education World University Rankings (THE), The Shanghai Ranking/Academic Ranking of World Universities (AWUR), The SCImago Institutions Ranking (SCImago), The QS, The Ranking Web of Universities (Webometrics),... nhưng việc đánh giá và lựa chọn hệ thống tiêu chuẩn nào phù hợp nhất với quy mô, thực trạng chung của các CSGD đại học ở Việt Nam là bước đi ban đầu và quan trọng để nâng cao chất lượng, khẳng định vị thế và thương hiệu của CSGD trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Bài báo là một bước khởi đầu cho quá trình tìm hiểu, nhận diện các vấn đề liên quan đến các bảng xếp hạng được lựa chọn là phù hợp với giáo dục đại học từ góc nhìn của các nhà quản lý giáo dục và thị trường lao động và cách tiếp cận của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành để thực hiện trong giai đoạn sắp tới.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu về xếp hạng đại học quốc tế

- *Vai trò của xếp hạng đại học quốc tế*: Giáo dục đại học đang thay đổi nhanh chóng bởi: (1) Sự sáng tạo trong việc tạo ra tri thức và ứng dụng vào các ngành nghề, đem đến nguồn nhân lực đóng góp cho xã hội; (2) Thu hút và giữ chân người tài của các quốc gia, nhất là các lĩnh vực về khoa học công nghệ; (3) Khả năng có việc làm sau tốt nghiệp của người học; (4) Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình cao hơn (Hazelkorn, 2013). Đây là một trong những xu hướng tất yếu làm xuất hiện các bảng xếp hạng giáo dục đại học trên thế giới để cung cấp thông tin có giá trị hữu ích và năng lực cạnh tranh của các CSGD đại học trong nền kinh tế toàn cầu.

Xếp hạng đại học là xác định vị trí của trường đại học trong phạm vi quốc gia, khu vực, hay thế giới nhằm đánh giá toàn bộ hoặc một bộ phận trong trường đại học theo một bộ tiêu chí chung. Xếp hạng đại học thế giới còn phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục của một quốc gia lên vị trí hàng đầu khu vực và thế giới. Hệ thống xếp hạng đại học quốc tế được xây dựng nhằm mục đích thúc đẩy sự cải tiến của các tổ chức học thuật thông qua “sự cạnh tranh đặc biệt”, đây là công cụ phổ biến được sử dụng bởi các bên liên quan khác nhau trong môi trường các trường đại học (Fauzi et al., 2020).

Sự nổi bật trong hoạt động khoa học được xem là nền tảng cho việc xếp hạng các CSGD đại học, bao gồm nhu cầu của các trường đại học thu hút nghiên cứu sinh, giảng viên và các nhà nghiên cứu từ khắp nơi trên thế giới để mở rộng mối quan hệ hợp tác (Aguillo et al., 2010). Xếp hạng đại học đã có tác động rất lớn đối với việc hoạch định chính sách tại các trường đại học, đặc biệt là có hẳn một đơn vị nghiên cứu tại trường đại học để hỗ trợ cho việc thực hiện xếp hạng.

Hiện nay, trên thế giới có nhiều hệ thống xếp hạng đại học quốc tế bao gồm xếp hạng toàn cầu (Global Rankings) và xếp hạng theo từng khu vực, địa lí, quốc gia (Regional and National Rankings). Mỗi bảng xếp hạng có bộ tiêu chuẩn/ tiêu chí và phương pháp đánh giá khác nhau phản ánh về hoạt động chính của CSGD đại học như đào tạo/giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tỉ lệ sinh viên, giảng viên quốc tế, danh tiếng học thuật, danh tiếng nhà tuyển dụng, triển vọng quốc tế,... Một số bảng xếp hạng giáo dục đại học toàn cầu được công nhận rộng rãi thể hiện qua nghiên cứu của Dugerdil và cộng sự (2022).

- *Bảng xếp hạng THE Impact Rankings*: Đây là bảng xếp hạng lấy việc thực hiện 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) của Liên Hiệp Quốc làm tiêu chí đánh giá các tổ chức giáo dục đại học trên toàn cầu. THE Impact Rankings đánh giá tầm ảnh hưởng và sự đóng góp của các CSGD đối với sự phát triển xã hội, con người và nỗ lực bảo vệ môi trường (The Times Higher Education, 2022). Đối với bảng xếp hạng THE Impact Rankings, CSGD phải gửi dữ liệu của ít nhất 04 Mục tiêu phát triển bền vững (SDG), trong đó, bắt buộc phải có SDG 17 - Quan hệ đối tác vì các Mục tiêu. Tổng điểm được xác định bằng cách kết hợp điểm số của SDG 17 (chiếm 22% tổng điểm) với điểm số cao nhất của 03 SDG còn lại mà CSGD đã gửi dữ liệu (mỗi SDG còn lại chiếm 26% tổng số điểm).

- *Bảng xếp hạng QS Asia Rankings (Bảng xếp hạng QS châu Á)*: Đây là một trong những phụ bảng của bảng xếp hạng QS World, dựa trên 11 tiêu chí với trọng số khác nhau gồm: danh tiếng học thuật (30%), danh tiếng nhà tuyển dụng (20%), tỉ lệ giảng viên/sinh viên (10%), tỉ lệ trích dẫn trên bài báo (10%), mạng lưới nghiên cứu quốc tế (10%), số bài báo trên mỗi giảng viên (5%), tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ (5%), tỉ lệ sinh viên quốc tế (2.5%), tỉ lệ giảng viên quốc tế (2.5%), tỉ lệ trao đổi sinh viên đến học (2.5%) và tỉ lệ trao đổi sinh viên đi học ở nước ngoài (2.5%) (Dmytro, 2022). Hiện nay, bảng xếp hạng này đang được các CSGD và các nhà quản lí quan tâm cũng như xây dựng các chiến lược tham gia, điều này thể hiện rất rõ trong kết quả được ghi nhận từ bảng xếp hạng.

- *Bảng xếp hạng đại học thế giới Webometrics (Webometrics Ranking of World Universities)*: Webometrics là bảng xếp hạng học thuật lớn nhất dành cho các tổ chức giáo dục đại học, cung cấp sáu tháng một lần một bài tập khoa học độc lập, khách quan, miễn phí, mở để cung cấp thông tin đáng tin cậy, đa chiều, cập nhật và hữu ích về hiệu quả hoạt động của các trường đại học từ khắp nơi trên thế giới. Các tiêu chí đo lường xếp hạng của Webometrics phản ánh hiện trạng của một CSGD đại học ở khía cạnh mức độ ảnh hưởng, mức độ mở và mức độ xuất sắc (Webometrics, 2023).

### 2.2. Nhìn nhận về công tác xếp hạng của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam

#### 2.2.1. Bảng xếp hạng Times Higher Education Impact Ranking (THE Impact Rankings)

Theo The Times Higher Education (2024), tính đến tháng 02/2024, có 09 CSGD đại học Việt Nam có tên trong bảng THE Impact Rankings. Trừ SDG 17 - Quan hệ đối tác vì mục tiêu (bắt buộc), hai trong số 16 SDG còn lại được

phân tích và xuất hiện nhiều nhất là: SDG 8 - Công việc tốt và phát triển kinh tế xuất hiện 07 lần/07 trường; SDG 16 - Hòa bình công lý và thể chế mạnh mẽ (03 lần/07 trường).

*Bảng 1. Danh sách các trường đại học ở Việt Nam tham gia xếp hạng THE Impact*

CSGD	Nội dung					
	Thứ hạng	Khoảng điểm tổng quan	SDG và Khoảng điểm			
Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	301-400	72.7-76.7	SDG 8 76.1	SDG 1 60.3-68.4	SDG 16 45.2-58.6	SDG 17 75.6-81.7
Trường Đại học Duy Tân	401-600	66.9-72.6	SDG 6 70.0-77.0	SDG 3 68.3-73.4	SDG 8 62.4-66.3	SDG 17 53.4-61.0
Đại học Quốc gia Hà Nội	401-600	66.9-72.6	SDG 5 67.2	SDG 4 75.4	SDG 8 62.4-66.3	SDG 17 75.6-81.7
Trường Đại học FPT	601-800	59.7-66.7	SDG 16 70.0-77.0	SDG 8 62.4-66.3	SDG 11 67.1-76.0	SDG 17 61.1-70.5
Đại học Bách khoa Hà Nội	601-800	59.7-66.7	SDG 8 57.8-62.2	SDG 7 56.2-61.7	SDG 4 43.6-50.9	SDG 17 53.4-61.0
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	601-800	59.7-66.7	SDG 8 62.4-66.3	SDG 16 63.7-69.9	SDG 4 58.7-62.5	SDG 17 53.4-61.0
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	601-800	59.7-66.7	SDG 8 66.4-71.5	SDG 12 49.4-58.6	SDG 16 45.2-58.6	SDG 17 75.6-81.7
Trường Đại học Phenikaa	801-1000	53.9-59.6	SDG 3 54.7-63.8	SDG 16 45.2-58.6	SDG 5 43.7-51.5	SDG 17 61.1-70.5
Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	1001+	7.9-53.8	SDG 13 56.6-66.3	SDG 5 43.7-51.5	SDG 4 51.0-58.6	SDG 17 1.5-45.2

*(Nguồn: Tác giả tổng hợp, tính đến tháng 02/2024)*

Nếu so với kết quả được thống kê đến tháng 02/2023, đã có sự ghi nhận thêm 02 CSGD đại học tại Việt Nam được ghi danh vào bảng xếp hạng này, ngoài ra cũng có nhiều nhà quản lý tại các CSGD đang quan tâm đến tính bền vững trong lĩnh vực giáo dục thông qua bảng xếp hạng này.

### 2.2.2. Bảng xếp hạng QS Asia Rankings

Theo QS Topuniversities (2024), tính đến tháng 02/2024, Việt Nam có 15 CSGD đại học được xếp hạng trong bảng QS Asia Rankings 2023, thứ hạng từ 115 đến 801+. Trong đó, 05 CSGD xếp hạng trong top 300 là: Trường Đại học Duy Tân (115), Trường Đại học Tôn Đức Thắng (138), Đại học Quốc gia Hà Nội (187), Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (220) và Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (291-300).

*Bảng 2. Vị trí xếp hạng và điểm các tiêu chí xếp hạng QS Asia Rankings*

Tên CSGD	Vị trí xếp hạng 2024	Danh tiếng học thuật	Danh tiếng nhà tuyển dụng	Tỷ lệ giảng viên/ sinh viên	Trích dẫn bài báo	Mạng lưới nghiên cứu khoa học	Bài báo/ giảng viên	Giảng viên/ Tiến sĩ trở lên
Trường Đại học Duy Tân	115	20.7	32.9	3.9	33.6	99.3	22.8	1
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	138	9.9	18.8	4.3	97.8	99.9	35.5	1
Đại học Quốc gia Hà Nội	187	27.7	34.2	8.3	16.8	71.9	3.4	2
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	220	33.9	40.9	4.5	3.8	31.7	3.8	1
Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	291-300	6.9	24.2	8.1	67	24.8	5.2	1
Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	301-350	3.9	13.6	1.9	94.2	14.6	2.7	1
Đại học Huế	351-400	8.9	24.9	3	6.7	45.9	2.3	1
Đại học Bách khoa Hà Nội	401-450	13.5	17.3	2.4	3.1	20.8	10.5	27.2
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	401-500	3.3	8.7	5.1	71.3	16.6	3.1	-

Đại học Đà Nẵng	501-550	6.9	16.4	2.9	9.7	29.5	2.8	1
Trường Đại học Cần Thơ	651-700	8.6	9.9	2.2	2	17.9	4.1	1
Trường Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội	651-700	10.8	6.7	2	19.8	1.2	1.8	-
Trường Đại học Văn Lang	701-750	8.3	2.7	22.2	1.7	1.8	1.4	1
Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	751-800	7.8	8.7	3.8	3	2.2	3.2	1
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	801+	4	7.4	6.8	2.2	2.1	3	1.2

(Nguồn: Tác giả tổng hợp, tính đến tháng 02/2024)

Bảng 2 cho thấy, có sự khác biệt tương đối về điểm số các tiêu chí xếp hạng giữa các CSGD, trong đó một số tiêu chí có cách biệt khá xa như: Trích dẫn bài báo, Mạng lưới nghiên cứu khoa học, Bài báo/giảng viên. Đối với tiêu chí tỉ lệ trích dẫn trên bài báo, Trường Đại học Tôn Đức Thắng và Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh vượt trội hơn tất cả các đơn vị khác. Về Mạng lưới nghiên cứu khoa học thì Trường Đại học Duy Tân và Trường Đại học Tôn Đức Thắng đang dẫn đầu. Ngoài ra, số lượng CSGD Việt Nam được ghi danh tại bảng xếp hạng này có sự tăng đáng kể so với số liệu thống kê vào tháng 02/2023 (có 11 CSGD), điều này cũng cho thấy sự quan tâm khá lớn về mặt định hướng chiến lược, sự đầu tư và quan điểm tiếp cận về xếp hạng đại học quốc tế từ các nhà quản lý giáo dục và của chính CSGD.

### 2.2.3. Bảng xếp hạng Webometrics

Đối với bảng Webometrics ở Việt Nam (Webometrics, 2024), hiện tại có 187 CSGD đại học được xếp hạng. Top 10 các trường đại học được xếp hạng cao nhất tại Việt Nam có thứ hạng trên thế giới từ 649 đến 2092, kèm thứ hạng của các tiêu chí xếp hạng (mức độ ảnh hưởng, mức độ minh bạch, mức độ xuất sắc) được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3. Danh sách top 10 các trường đại học ở Việt Nam được xếp hạng theo Webometrics

Thứ hạng trong nước	Thứ hạng thế giới	Các CSGD đại học	Mức độ ảnh hưởng (hạng)	Mức độ minh bạch/mở (hạng)	Mức độ xuất sắc (hạng)
1	649	Đại học Quốc gia Hà Nội	493	1178	987
2	1053	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	5540	2408	286
3	1114	Trường Đại học Duy Tân	5605	1813	404
4	1181	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	1248	2919	1361
5	1312	Đại học Bách khoa Hà Nội	1765	1521	1653
6	1552	Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh	4028	1832	1260
7	1713	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	3357	2338	1642
8	2057	Đại học Đà Nẵng	3381	1858	2421
9	2068	Trường Đại học Cần Thơ	3317	2106	2402
10	2092	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh	3691	2344	2257

(Nguồn: Tác giả tổng hợp, tính đến tháng 02/2024)

Là một bảng xếp hạng được nhiều CSGD đại học ở Việt Nam lựa chọn dựa trên tính độc lập, khách quan, miễn phí, mở để cung cấp thông tin đáng tin cậy, đa chiều, cập nhật và hữu ích về hiệu quả hoạt động của các trường đại học. Tuy nhiên xét ở một số khía cạnh, bảng xếp hạng này chưa phản ánh một cách đầy đủ chức năng về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của một CSGD. Do đó, dưới một vài góc độ nhìn nhận, quan điểm của các nhà quản lý giáo dục đó là cần sự kết hợp giữa bảng xếp hạng này với các bảng xếp hạng khác để bổ trợ lẫn nhau.

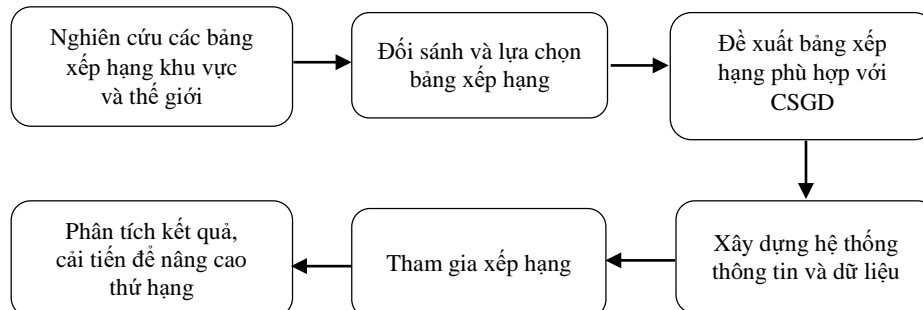
## 2.3. Đề xuất lộ trình tham gia xếp hạng phù hợp cho các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam

### 2.3.1. Bối cảnh và đề xuất lộ trình

Tự chủ đại học đã và đang là một chủ trương, chính sách lớn của ngành giáo dục, được đề cập đến trong văn bản pháp quy tương đối sớm. Tuy nhiên, phải đến khi ban hành Luật Giáo dục đại học năm 2012, đặc biệt là tại Luật sửa đổi và ban hành một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018 thì tinh thần tự chủ đại học mới được quán triệt, nhìn nhận và thể hiện xuyên suốt trong các quy định của luật. Bên cạnh đó, tự chủ đại học là một chủ trương lớn, được coi là chính sách, giải pháp đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013.

Các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết số 29-NQ/TW nhấn mạnh đến việc đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông... Chuẩn hóa, hiện đại hóa GD-ĐT; Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển GD-

ĐT, đồng thời GD-ĐT phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước. Vì vậy, để tiếp tục thực hiện định hướng chiến lược này, xếp hạng quốc tế được xem xét và nhìn nhận như là một ưu tiên hàng đầu trong các nhiệm vụ trọng tâm cần triển khai của các nhà quản lý giáo dục tại các CSGD, trong đó cần tiến hành phân tích, đối sánh và vạch ra lộ trình cụ thể với các bước đi phù hợp, có thể xem xét các bước của quy trình được nêu ở hình 1.



Hình 1. Quy trình tham gia xếp hạng đề xuất cho các CSGD

### 2.3.2. Tiếp cận từ Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

- *Lộ trình triển khai xếp hạng đại học:* Các nhà quản lý giáo dục tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đã xác định rất rõ vai trò, tầm trọng cũng như đề xuất các kế hoạch, lộ trình tham gia các bảng xếp hạng quốc tế phù hợp với định hướng chiến lược của Nhà trường. Với tầm nhìn đến năm 2035 đạt chuẩn khu vực và quốc tế, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đã xây dựng mục tiêu chiến lược về đảm bảo chất lượng trong Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025 là khẳng định vị thế của Nhà trường trong nước, khu vực, quốc tế thông qua hoạt động gắn sao, xếp hạng. Ngoài ra, Nhà trường đã đạt QS Stars 4 sao năm 2019, duy trì QS Stars 4 sao năm 2022 cùng với các thành tích khác trong hoạt động bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng.

Bảng 4. Lộ trình triển khai xếp hạng đại học tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Bảng xếp hạng	2023	2024	2025
THE Impact Rankings	Nghiên cứu tiêu chí; Thu thập dữ liệu và nộp dữ liệu	Nhận kết quả	Cải tiến; Duy trì kết quả
QS Asia Rankings	Nghiên cứu tiêu chí; Chuẩn bị dữ liệu của năm 2022 để nộp cho năm 2024; Thực hiện cải tiến các mảng của năm 2023 để chuẩn bị cho năm 2025	Nộp dữ liệu xếp hạng của năm 2022; Chuẩn bị dữ liệu của năm 2023 để nộp cho năm 2025; Cải tiến	Nộp dữ liệu xếp hạng của năm 2023; Duy trì kết quả
Webometrics	Giữ vững hạng 4 tại Việt Nam	Giữ vững hạng 4 tại Việt Nam	Giữ vững hạng 4 tại Việt Nam

- *Đối với công tác xếp hạng quốc tế:* Quan điểm và cách tiếp cận của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành luôn nhất quán lấy chất lượng làm nền tảng cốt lõi để phát triển bền vững. Các nhà quản lý giáo dục của Trường luôn rất quan tâm đến công tác quốc tế hóa và định vị thương hiệu, chất lượng đào tạo của Trường thông qua các kết quả xếp hạng đại học quốc tế. Nhà trường đang triển khai nghiên cứu đồng thời các bộ tiêu chí gồm: THE Impact Rankings, QS Asia Rankings. Xây dựng lộ trình triển khai và thành lập Ban triển khai Đề án xếp hạng đại học, có đại diện các đơn vị phụ trách theo từng bảng xếp hạng và theo tiêu chuẩn của bảng xếp hạng để thu thập, phân tích dữ liệu.

Tính đến nay, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đã đạt kiểm định chất lượng CSGD theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD-ĐT trải qua 02 chu kỳ đánh giá. Có 29 chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD-ĐT và mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA). Do đó, việc định hướng và tham gia xếp hạng quốc tế trong thời gian tới đã được Hội đồng trường, đội ngũ lãnh đạo, quản lý đánh giá là hướng đi phù hợp của Nhà trường trong việc tiếp tục khẳng định vị thế và thương hiệu trên bản đồ thị trường giáo dục quốc tế, gia tăng mức độ uy tín trong các hoạt động hợp tác với các đơn vị, đối tác giáo dục quốc tế về hoạt động đào tạo, nghiên cứu, trao đổi sinh viên, giảng viên, cùng với đó là việc chuyên dịch và thu hút, trao đổi nguồn lực lao động trình độ cao lẫn nhau.

### 2.4. Kiến nghị

Nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị đối với CSGD đại học Việt Nam đã tham gia các bảng xếp hạng nhưng chưa ghi nhận kết quả tích cực hoặc chuẩn bị tham gia vào công tác xếp hạng quốc tế, cụ thể: (1) Nhận thức đúng vai trò và giá trị thiết thực mà công tác xếp hạng quốc tế mang lại, xếp hạng đại học quốc tế sẽ là bộ phận giúp các tổ chức vươn đến tầm nhìn thương hiệu toàn cầu, củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược và tuyển dụng nhân tài quốc tế; giúp thu thập dữ liệu định kỳ, phân tích kết quả xếp hạng và đối sánh tại các lĩnh vực, danh tiếng trong hoạt

động nghiên cứu, giảng dạy và phát triển bền vững của trường đại học; (2) Các CSGD cần phân tích, đối sánh với hiện trạng thực tế và với các CSGD khác cùng phân khúc để lựa chọn bảng xếp hạng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và định hướng chiến lược đã đề ra; (3) Bản thân mỗi CSGD cần phải định vị chính mình, phải kiên toàn và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong. Bảo đảm chất lượng bên trong là tiền đề cho việc tham gia xếp hạng đại học. Nhà trường cần thực hiện cải tiến liên tục chất lượng giáo dục từ đó sẽ dần nâng cao được thứ hạng trong bảng xếp hạng đại học trên thị trường giáo dục quốc tế; (4) Các nhà lãnh đạo, nhà quản lý của CSGD cần đánh giá được vai trò, tầm quan trọng của xếp hạng đại học quốc tế để xây dựng tầm nhìn, lộ trình và các bước triển khai phù hợp cũng như ưu tiên nguồn lực đầu tư tại chính CSGD.

### 3. Kết luận

Xếp hạng đại học quốc tế đã trở thành sự lựa chọn tất yếu trong xu hướng chung của giáo dục đại học khi mà quy mô và tính linh động trong học tập và trải nghiệm trong việc dạy - học ngày càng phát triển không ngừng. Các nhà quản lý giáo dục, CSGD đang ngày càng quan tâm nhiều hơn đến xếp hạng quốc tế nhằm khẳng định chất lượng và thương hiệu của trường đại học không chỉ phạm vi trong nước mà trên bình diện toàn cầu thông qua số lượng các CSGD tham gia và được ghi danh tại các bảng xếp hạng quốc tế ngày càng gia tăng. Nghiên cứu thực tiễn từ cách tiếp cận triển khai của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành có thể là một trường hợp điển hình để các CSGD tham khảo trong việc lựa chọn bảng xếp hạng quốc tế phù hợp và xây dựng lộ trình để triển khai nhằm đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu của CSGD.

Nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định, cụ thể: về mặt phương pháp, nghiên cứu chỉ mới sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp dữ liệu thứ cấp được công bố từ các bảng xếp hạng, do đó có thể chưa phản ánh đầy đủ hiện trạng từ góc nhìn của các CSGD được xếp hạng; Nghiên cứu chưa xem xét đến các bảng xếp hạng cũng được nhắc đến khá nhiều ở Việt Nam hiện nay như: SCImago Institutions Rankings; QS Graduate Employability Rankings... Điều này gợi mở cho các nhà nghiên cứu về các hướng nghiên cứu tiếp theo và chuyên sâu hơn ở lĩnh vực này như: Thu thập và phân tích số liệu sơ cấp từ chính CSGD được xếp hạng để có cái nhìn khách quan hơn về vai trò cũng như tác động của xếp hạng đại học quốc tế; Phân tích về hiện trạng ở đa dạng hơn các bảng xếp hạng để đề xuất các định hướng chiến lược, chính sách về quản trị đại học đối với các nhà quản lý giáo dục nói riêng và các CSGD đại học tại Việt Nam nói chung trong kỉ nguyên số và toàn cầu hóa.

### Tài liệu tham khảo

- Aguillo, I. F., Bar-Ilan, J., Levene, M., & Ortega, J. L. (2010). Comparing university rankings. *Scientometrics*, 85(1), 243-256. <https://doi.org/10.1007/s11192-010-0190-z>
- Dmytro, F. (2022). *QS Asia University Rankings: Methodology*. <https://www.topuniversities.com/asia-rankings/methodology>
- Dugerdil, A., Sponagel, L., Babington-Ashaye, A., & Flahault, A. (2022). International University Ranking Systems and Their Relevance for the Medical and Health Sciences-A Scoping Review. *International Journal of Higher Education*, 11(5), 102-133.
- Đặng Ứng Vận, Tạ Thị Thu Hiền (2019). Kiểm định chất lượng giáo dục và tự chủ đại học. *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 35(1), 84-95.
- Đỗ Thị Hoài Vân, Lê Huy Tùng (2022). Tổng quan về xếp hạng đại học trên thế giới và những hàm ý quản trị cho giáo dục đại học Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(10), 69-74.
- Fauzi, M. A., Tan, C. N. L., Daud, M., & Awalludin, M. M. N (2020). University rankings: A review of methodological flaws. *Issues in Educational Research*, 30(1), 79-96.
- Hazelkorn, E. (2013). *World-class Universities or World-class Systems: Rankings and Higher Education Policy Choice*. Rankings and Accountability in Higher Education: Uses and Misuses, UNESCO, Paris, Forthcoming.
- Phạm Văn Quyết (2019). Yêu cầu với sứ mệnh và mục tiêu của giáo dục đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 5(S4), 447-457.
- QS Topuniversities (2024). *QS World University Rankings: Asia 2024*. <https://www.topuniversities.com/asia-university-rankings>
- The Times Higher Education (2022). *Impact Rankings 2022: Methodology*. <https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/impact-rankings-2022-methodology>
- The Times Higher Education (2024). <https://www.timeshighereducation.com/impactrankings>
- Webometrics (2023). *Methodology 2023*. <https://www.webometrics.info/en/Methodolog>
- Webometrics (2024). *Asia/Pacifico*. [https://www.webometrics.info/en/Asia\\_Pacifico](https://www.webometrics.info/en/Asia_Pacifico)